

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020
của huyện Quảng Ninh (Nguồn vốn ngân sách huyện quản lý)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH
KHOÁ XIX, KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm; Nghị định số 120/2019/NĐ-CP ngày 13/9/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015, Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2016/NQ-HĐND ngày 23/12/2016 của Hội đồng nhân dân huyện về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016 - 2020 của huyện Quảng Ninh (nguồn vốn ngân sách huyện);

Xét Tờ trình số 306/TTr-UBND ngày 9/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện về việc đề nghị thông qua Nghị quyết điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 của huyện Quảng Ninh (Nguồn vốn ngân sách huyện quản lý). Sau khi nghe Báo cáo thẩm tra của ban Kinh tế - Xã hội; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 của huyện Quảng Ninh (Nguồn vốn ngân sách huyện quản lý) như sau:

1. Số lượng công trình đầu tư giảm so với Nghị quyết giai đoạn 2016-2020 là 07 công trình với tổng mức 17.500 triệu đồng. Trong đó ngân sách huyện giai đoạn 2016 - 2020 là 12.225 triệu đồng.

2. Bổ sung 26 công trình cấp bách chưa có trong kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020 với tổng mức đầu tư: 44.874 triệu đồng. Trong đó ngân sách huyện giai đoạn 2016 - 2020 là 18.582 triệu đồng.

3. Tổng vốn đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 ngân sách huyện thay đổi như sau:

+ Về nguồn vốn ngân sách tập trung là 88.120 triệu đồng, tăng 1.220 triệu đồng so với Nghị quyết số 06/2016/NQ-HĐND ngày 23/12/2016.

+ Về nguồn vốn quỹ đất là 20.160 triệu đồng, giảm 30 triệu đồng so với Nghị quyết số 06/2016/NQ-HĐND ngày 23/12/2016.

+ Tổng vốn đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 ngân sách huyện điều chỉnh là 108.280 triệu đồng. Trong đó:

- | | | |
|--|--------|------------|
| - Trả nợ các công trình giai đoạn trước năm 2016: | 16.944 | triệu đồng |
| - Các dự án khởi công mới giai đoạn 2016 – 2020: | 73.816 | triệu đồng |
| - Trả nợ kiên cố hóa kênh mương, giao thông nông thôn: | 12.194 | triệu đồng |
| - Đối ứng các công trình tỉnh, các nguồn tài trợ...: | 5.326 | triệu đồng |

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân huyện giao Ủy ban nhân dân huyện triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật; giao Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này.

Trong quá trình thực hiện có những vấn đề phát sinh, Ủy ban nhân dân huyện phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân huyện xem xét và báo cáo Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp gần nhất.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Quảng Ninh khoá XIX, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 18 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 12 năm 2019./.

Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND tỉnh (b/c);
- Các sở: KH-ĐT, TC, TP,
- Ban Thường vụ Huyện uỷ;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện;
- Các phòng, ban, đơn vị cấp huyện;
- TT HĐND, UBND các xã, TT;
- Lưu: VT.



Ngô Hồng Quân

PHỤ LỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2016-2020 HUYỆN QUẢNG NINH

Nguồn vốn: Ngân sách huyện quản lý (Nguồn vốn ngân sách tập trung, quỹ đất)

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 08 /2019/NQ-HĐND ngày 19 /12/2019 của Hội đồng nhân dân huyện Quảng Ninh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	TMĐT		KH 2016-2020 đã thông qua	KH 2016-2020 điều chỉnh			Ghi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: NS huyện		Tổng tất cả các nguồn vốn	Tr.đó: NS huyện	Ngân sách tỉnh và ngân sách xã, các nguồn khác	
	TỔNG CỘNG		-	164.598	115.622	151.745	194.636	108.280	86.356	
A	TRẢ NỢ CÁC CÔNG TRÌNH GIAI ĐOẠN TRƯỚC NĂM 2016			50.298	44.065	18.414	16.944	16.944	-	
I	Lĩnh vực Nông nghiệp			5.948	5.273	1.778	1.778	1.778	-	
1	KCH kênh N2 đoạn từ kênh chính Rào Đá - VC7	Hàm Ninh	2014-2016	1.995	1.995	1.025	1.025	1.025	-	
2	KCH kênh tưới Rào Đá - Quyết Thắng	Trường Xuân	2013-2014	1.270	1.270	369	369	369	-	
3	Nâng cấp KCH Kênh tưới N1 hồ Điều gả HTX Vĩnh Trung xã Vĩnh Ninh	Vĩnh Ninh	2014-2015	2.008	2.008	209	209	209	-	
4	Cấp nước mở rộng diện tích tưới bản Lâm Ninh	Trường Xuân	2015	318	-	68	68	68	-	
5	KCH kênh tưới vùng bệ Tả Phan, Duy Ninh	Duy Ninh	2015	357	-	107	107	107	-	
II	Lĩnh vực quản lý nhà nước			2.423	2.423	873	873	873	-	
1	Trụ sở làm việc UBND huyện - Hàng mục: Nhà làm việc 2 tầng 10 phòng	Quán Hâu	2014-2015	2.423	2.423	873	873	873	-	
III	Lĩnh vực Văn hóa - Thể thao, Hạ tầng kỹ thuật			4.610	2.803	1.742	1.742	1.742	-	
1	Cải tạo nhà truyền thống huyện	Quán Hâu	2014-2015	1.382	1.382	616	616	616	-	
2	Nhà Văn hoá Trung tâm huyện Quảng Ninh; Hàng mục: Sửa chữa, cải tạo.	Quán Hâu	2012-2013	2.841	1.421	993	993	993	-	
3	Lập Quy hoạch chi tiết di dời dân khẩn cấp sau lòng hồ Rào Đá	Trường Xuân	2014	331	-	93	93	93	-	
4	Hỗ trợ sửa chữa đường dây và trạm biến áp Núi Trần Đình	Trường Xuân	2013-2014	55	-	40	40	40	-	
IV	Lĩnh vực GD&ĐT			13.749	13.750	5.387	5.387	5.387	-	
1	Trường THCS Vạn Ninh; hàng mục: Nhà lớp học bộ môn 2 tầng	Vạn Ninh	2013-2014	3.570	3.570	1.171	1.171	1.171	-	
2	Trường THCS Hàm Ninh; Hàng mục Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng	Hàm Ninh	2013-2014	3.656	3.656	1.701	1.701	1.701	-	
3	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng Trường TH số 1 Xuân Ninh	Xuân Ninh	2014-2015	2.484	2.484	937	937	937	-	



Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	TMĐT		KH 2016-2020 đã thông qua	KH 2016-2020 điều chỉnh			Ghi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: NS huyện		Tổng tất cả các nguồn vốn	Tr.đó: NS huyện	Ngân sách tỉnh và ngân sách xã, các nguồn khác	
4	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng trường TH Tân Ninh	Tân Ninh	2014-2015	1.913	1.913	723	723	723	-	
5	Nâng cấp nhà lớp học 2 tầng, 2 phòng trường Tiểu học Long Đại	Hiển Ninh	2014-2015	960	960	437	437	437	-	
6	Nhà vệ sinh Trường PTDT Nội trú	Hiển Ninh	2014-2015	423	423	174	174	174	-	
7	Cải tạo, sửa chữa TTBD Chính trị huyện, HM: Nhà vệ sinh, rãnh thoát nước	Quán Hậu	2014-2015	744	744	244	244	244	-	
V	Lĩnh vực giao thông vận tải			19.366	15.615	6.534	5.764	5.764	-	
1	Đường vào chợ Đình 10	Hiển Ninh	2012-2013	2.827	2.827	996	996	996	-	
2	Đường Quốc lộ 15A - Hoàn Vinh	An Ninh	2013-2014	2.900	2.900	706	706	706	-	
3	Đường thôn Bến đi Đại Phúc	Vạn Ninh	2012-2014	4.053	4.053	1.374	1.374	1.374	-	
4	Đường giao thông liên thôn Văn La - Lương Yên	Lương Ninh	2013-2015	3.110	2.177	558	558	558	-	
5	Đường thôn Tây - Hữu Hậu	Võ Ninh	2013-2014	2.819	1.658	1.162	558	558	-	
6	Đường tránh lũ Đồng Tư, Hiển Ninh	Hiển Ninh	2014-2015	3.268	2.000	1.700	1.534	1.534	-	
7	Sửa chữa mặt đường từ Mỹ Trung đến trạm bơm số 1 Ông Đồng	Gia Ninh	2014	389	-	38	38	38	-	
VI	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP SANG GIAI ĐOẠN 2016-2020			4.201	4.201	2.100	1.400	1.400	-	
1	Nhà chức năng Huyện ủy	Quán Hậu	2014-2016	4.201	4.201	2.100	1.400	1.400	-	
B	DỰ ÁN KHÔI CÔNG NĂM 2016 -2020			114.300	71.556	97.662	135.327	73.816	61.511	
I	Lĩnh vực Nông nghiệp			8.600	7.130	8.600	13.632	8.723	4.909	
1	Sửa chữa công 2 cửa Hói Cầu Duy Ninh	Duy Ninh	2016-2018	2.415	2.415	2.415	2.283	2.283	-	
2	Sửa chữa, khắc phục khẩn cấp Đê Trờm thôn Long Đại, xã Hiển Ninh	Hiển Ninh	2016-2017	1.285	1.285	1.285	1.208	1.090	118	
3	Kiến cố hóa kênh tưới HTX Cổ Hiến	Hiển Ninh	2017-2019	1.900	1.330	1.900	1.731	1.330	401	
4	KCH kênh tưới N22 thôn Thê Lộc xã Tân Ninh	Tân Ninh	2017-2019	1.500	1.050	1.500	1.453	1.050	403	
5	Kênh tưới vùng Ông Đồng mở rộng xã Gia Ninh	Gia Ninh	2017-2019	1.500	1.050	1.500	1.457	1.050	407	
6	Nâng cấp, sửa chữa kênh Hói Su xã An Ninh	An Ninh	2020-2022				1.100	380	720	
7	Kênh tưới Xuân Dục Đông Phúc Long đi Lộc Long	Xuân Ninh	2020-2022				1.000	350	650	
8	Nâng cấp kênh Cây Mung đi Thượng Sở xã Duy Ninh	Duy Ninh	2020-2022				1.000	350	650	
9	Nâng cấp, sửa chữa kênh tưới Trường Niên (Km0-Km0+180 và Km1+124,7-km1+854).	Hàm Ninh	2020-2022				1.200	420	780	
10	Nâng cấp kênh Chân nuôi xã Tân Ninh	Tân Ninh	2020-2022				1.200	420	780	
II	Lĩnh vực GD&ĐT			33.785	23.100	29.335	26.055	16.497	9.558	

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	TMĐT		KH 2016-2020 đã thông qua	KH 2016-2020 điều chỉnh			Ghi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: NS huyện		Tổng tất cả các nguồn vốn	Tr.đó: NS huyện	Ngân sách tỉnh và ngân sách xã, các nguồn khác	
1	Nhà lớp học 2T, 6P trường mầm non Gia Ninh	Gia Ninh	2016-2018	5.086	3.500	5.086	4.825	3.300	1.525	
2	Nhà lớp học 2T, 6P trường mầm non Xuân Ninh	Xuân Ninh	2016-2018	4.699	2.800	4.699	4.505	2.600	1.905	
3	Nhà hiệu bộ và phòng chức năng Trường Tiểu học Vĩnh Ninh	Vĩnh Ninh	2019-2021	3.500	2.450	3.500	-	-	-	
4	Nhà lớp học 2T, 6P trường mầm non An Ninh	An Ninh	2018-2020	3.500	2.450	3.500	4.713	3.500	1.213	
5	Nhà chức năng 2 tầng 4 phòng trường tiểu học Trường Xuân	Trường Xuân	2018-2020	2.500	1.750	2.500	-	-	-	
6	Nhà hiệu bộ trường THCS Hải Ninh	Hải Ninh	2019-2021	3.500	2.450	2.850	-	-	-	
7	Nhà hiệu bộ trường TH số 1 Vạn Ninh	Vạn Ninh	2018-2020	3.500	2.450	2.850	3.012	2.450	562	
8	Xây dựng nhà 2T, 6P trường mầm non Tân Ninh	Tân Ninh	2020-2022	3.500	2.450	1.950	-	-	-	
9	Nhà lớp học 4 phòng trường TH Lương Ninh	Lương Ninh	2020-2022	2.000	1.400	1.200	-	-	-	
10	Nhà lớp học 4 phòng trường mầm non Trường Sơn	Trường Sơn	2020-2022	2.000	1.400	1.200	-	-	-	
11	Nhà Nội trú 4P trường DTBT TH Trường Sơn	Trường Sơn	2019-2021				2.500	1.450	1.050	
12	Nhà lớp học và chức năng trường Mầm non bản Nước Đăng	Trường Sơn	2019-2021				920	807	113	
13	Nhà lớp học và chức năng trường Mầm non bản Hời Rầy	Trường Sơn	2019-2021				880	750	130	
14	Nhà lớp học, chức năng 2 tầng Trường THCS thị trấn Quán Hâu	Quán Hâu	2020-2022				2.500	870	1.630	
15	Nhà lớp học 2 phòng Trường mầm non Trung tâm xã Vĩnh Ninh	Vĩnh Ninh	2020-2022				1.200	420	780	
16	Khuôn viên, công, hàng rào nhà lớp học trường mầm non, tiểu học bản Nước Đăng, xã Trường Sơn	Trường Sơn	2020-2022				1.000	350	650	
III	Lĩnh vực giao thông vận tải			18.734	13.585	15.915	36.813	21.911	14.902	
1	Ngân Khe Cự xã An Ninh	An Ninh	2016-2018	500	500	481	481	481	-	
2	Đường tránh Đòng Hới đến Đài tương niệm	Quán Hâu	2016-2018	1.954	1.954	1.954	1.912	1.912	-	
3	Đường liên thôn Trung - Tiên - Thượng	Võ Ninh	2016-2018	2.999	2.000	2.999	2.867	2.000	867	
4	Đường nối từ đường thôn Tây - Hữu Hâu đến khe Dinh Thủy	Võ Ninh	2016-2018	981	581	981	981	581	400	
5	Đường Hà làng Phúc Mỹ đi Xuân Dục 4	Xuân Ninh	2016-2018	1.800	1.200	1.800	1.730	1.200	530	
6	Đường cấp 3 Ninh Châu đi trạm bơm Rào Bạc	Duy Ninh	2017-2019	3.000	2.100	3.000	2.975	2.100	875	
7	Đường rẽ Bắc Kim Sen - Lân Ninh xã Trường Xuân	Trường Xuân	2018-2020	1.500	1.050	1.500	1.780	1.330	450	
8	Đường liên thôn Trần Xá - Trường Niên	Hàm Ninh	2019-2021	3.000	2.100	2.100	2.100	1.400	700	
9	Đường Côn Điện trường THCS Vạn Ninh đi Hoa Thủy	Vạn Ninh	2018-2020	3.000	2.100	1.100	2.087	2.087	-	
10	Đường liên thôn từ thôn Hữu Tân - thôn Nguyệt Áng	Tân Ninh	2019-2021				3.500	1.600	1.900	

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	TMDT		KH 2016-2020 đã thông qua	KH 2016-2020 điều chỉnh			Ghi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: NS huyện		Tổng tất cả các nguồn vốn	Tr.đó: NS huyện	Ngân sách tỉnh và ngân sách xã, các nguồn khác	
11	Nâng cấp tuyến đường Hà Văn Cách	Quán Hâu	2019-2021				3.000	1.800	1.200	
12	Đường tránh lũ từ đường HCM nhánh Đông đến đường Nương Cau - thôn Lệ Kỳ	Vĩnh Ninh	2019-2021				3.000	1.200	1.800	
13	Đường từ UBND thị trấn Quán Hâu nối đường Nguyễn Hữu Cảnh	Quán Hâu	2020-2022				4.000	2.000	2.000	
14	Nâng cấp đường Trường Dục, đường trường tiểu học xã Hiền Ninh	Hiền Ninh	2020-2022				1.100	380	720	
15	Đường từ trường PTTH Nguyễn Hữu Cảnh đi thôn Hòa Bình xã Tân Ninh	Tân Ninh	2020-2022				500	170	330	
16	Đường vào xóm Mới bản Lâm Ninh	Trường Xuân	2020-2022				1.100	380	720	
17	Củng hóa giao thông nội đồng HTX SXKD và DVNN Vĩnh Nhất, xã Gia Ninh	Gia Ninh	2020-2022				1.000	350	650	
18	Đường giao thông nội vùng bản Cây Sù, xã Trường Sơn	Trường Sơn	2020-2022				1.200	420	780	
19	02 Công qua Hói Chọc Đại Hữu - Cao Xuân, xã An Ninh	An Ninh	2020-2022				700	240	460	
20	Mở rộng cầu Khe Đại Phúc, xã Vạn Ninh	Vạn Ninh	2020-2022				800	280	520	
IV	Lĩnh vực Y tế						2.000	1.400	1.800	
1	Nhà điều trị khám bệnh trạm y tế xã Trường Sơn	Trường Sơn	2017-2019				1.000	700	1.000	
2	Nâng cấp, sửa chữa trạm y tế Quán Hâu	Quán Hâu	2018-2020				500	350	450	
3	Nâng cấp sửa chữa trạm y tế Hải Ninh	Hải Ninh	2019-2021				500	350	350	
V	Lĩnh vực QLNN và Hạ tầng kỹ thuật						24.694	20.194	23.694	
1	Cải tạo khuôn viên trụ sở Công an cũ để bố trí cho các đơn vị thuộc huyện làm việc	Quán Hâu	2016-2018				2.452	2.152	2.452	
2	Nâng cấp, sửa chữa khuôn viên Đài truyền thanh huyện	Quán Hâu	2016-2018				497	497	497	
3	Sửa chữa hạ tầng cải tạo môi trường chợ đầu mối Hiền Ninh	Hiền Ninh	2016-2018				752	52	52	
4	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc cơ quan Huyện ủy Quảng Ninh	Quán Hâu	2016-2018				6.995	3.995	6.695	
5	Rãnh thoát nước đường Trương Văn Ly và Trần Hưng Đạo (Tiểu khu 3-Tiểu khu 1)	Quán Hâu	2017-2019				1.500	1.500	1.500	
6	Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND huyện Quảng Ninh	Quán Hâu	2017-2019				4.998	4.998	4.998	
7	Hệ thống điện chiếu sáng thị trấn Quán Hâu	Quán Hâu	2017-2019				2.000	1.500	2.000	
8	Sân vận động huyện (giai đoạn 2)	Quán Hâu	2017-2019				3.000	3.000	3.000	
9	Cải tạo quảng trường huyện Quảng Ninh	Quán Hâu	2018-2019				2.500	2.500	2.500	

Số TT	Danhs mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	TMĐT		KH 2016-2020 đã thông qua	KH 2016-2020 điều chỉnh			Ghi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: NS huyện		Tổng tất cả các nguồn vốn	Tr.đó: NS huyện	Ngân sách tỉnh và ngân sách xã, các nguồn khác	
10	XD hệ thống PCCC và các hạng phụ trợ cơ quan UBND huyện	Quán Hậu	2018-2020				780	479	301	
11	Sửa chữa các hạng mục phụ trợ cơ quan Huyện ủy	Quán Hậu	2018-2021				795	496	299	
12	Cải tạo Hội trường, phòng làm việc công chính, hàng rào và một số hạng mục khác trị số UBND huyện	Quán Hậu	2019-2021				1.500	1.100	400	
VI	Đổi ứng các công trình									
1	Đường Hà Thiệp - Bảo Ninh	Võ Ninh	2017-2019	26.487	6.147	18.318	30.171	5.326	24.845	
2	Đường tránh lữ bàn Khe Dây đi bán Khe Ngang, xã Trường Xuân	Trường Xuân	2017-2019	5.000	863	4.523	4.046	1.000	3.046	
3	Công đồng phòng tránh thiên tai - Trung tâm phục hồi chức năng nuôi dạy trẻ khuyết tật, trẻ chất độc da cam Hiền Ninh	Hiền Ninh	2016-2018	3.797	797	797	3.444	444	3.000	
4	Nhà lớp học 2 tầng Trường Tiểu học Long Đại, xã Hiền Ninh	Hiền Ninh	2016-2018	2.642	742	1.142	1.142	742	400	
5	Đường tránh lữ Nguyệt Áng - Trường Dục	Tân Ninh	2017-2020			-	8.500	1.500	7.000	
6	Nhà lớp học 2 tầng Trường THCS Gia Ninh	Gia Ninh	2016-2018	2.870	440	870	2.661	440	2.221	
C	Trả nợ vốn vay KCH KM, GTNT					20.000	12.194	12.194		
D	Hỗ trợ các xã Nông thôn mới					1.500				
E	Dự phòng phát sinh					14.169				



Handwritten signature and initials in blue ink.